

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22- 9 - 2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hưởng
2. Ông Lò Trà Cheng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giàng Thị S; tên gọi khác: Giàng Thị T, năm sinh 1972
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Seo C, năm sinh 1976
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Thôn T, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giàng Thị S; tên gọi khác: Giàng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị S và anh Hoàng Seo C tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, đến ngày 29/9/2002 anh chị mới đến đăng ký kết hôn tại UBND xã C nay là xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C không chịu làm ăn, thường xuyên đánh đuổi chị vô cớ, vì đã có con chung với nhau và mong muốn cải thiện tình cảm vợ chồng nên anh chị đã đi đăng ký kết hôn, nhưng sau khi đi đăng ký kết hôn thì tình cảm của vợ chồng vẫn không cải thiện được. Tháng 12/2019, chị S đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh C, anh C xin lỗi và hứa không đánh chị nữa nên chị S đã rút đơn khởi

kiện để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, khi về chung sống, anh C không thay đổi mà còn đánh chị nhiều hơn. Tháng 5/2020, chị S đã chuyển ra ngoài ở, từ đó vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Seo C.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị Giàng Thị S và anh Hoàng Seo C có ba người con chung: Cháu Hoàng Seo P, sinh ngày 01/7/1993, cháu Hoàng Seo N, sinh ngày 01/01/1995, cháu Hoàng Sơn P1 sinh ngày 03/3/1999. Hiện các cháu đã trên mười tám tuổi, có việc làm ổn định nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Trích lục kết hôn; Trích lục khai sinh cháu P, cháu P1; Chứng minh nhân dân của chị S, cháu N; Sổ hộ khẩu chị S, anh C; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C hoàn toàn nhất trí với nội dung trình bày của chị S về thời gian về chung sống và đăng ký kết hôn giữa anh và chị S. Trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng anh thỉnh thoảng xảy ra cãi chửi nhau, có lúc do vợ chồng mâu thuẫn anh cũng đánh chị S, chị S báo chính quyền xã và công an xã đã phạt anh 750.000 đồng. Sau thời điểm đó, vợ chồng xảy ra cãi nhau nhiều hơn. Tháng 12/2019, chị S đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, anh đã xin lỗi chị S và chị S đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng quay về chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, không hiểu vì lý do gì mà đầu tháng 5/2020 chị S bỏ đến nhà em trai tại phường B, thành phố L ở. Từ đó vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm giữa anh và chị S vẫn còn, nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ.

- Về nuôi con khi ly hôn: Do các con của anh chị đã trên 18 tuổi, có cuộc sống riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

- Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp: Bị đơn không có chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ tố tụng.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Giàng Thị S được ly hôn với anh Hoàng Seo C.

- Về con chung: Không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo qui định của Pháp luật.

3.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải. Nguyên đơn có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Seo C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị S và anh Hoàng Seo C là hợp pháp. Sau khi về chung sống do không hòa hợp nên anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, anh C thường xuyên đánh chị S nên đã bị phạt tiền về hành vi đánh người, hiện chị S và anh C đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xác minh tại địa phương nơi chị S và anh C cư trú và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì: Quá trình chung sống, do không hòa hợp nên anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Chị S xác nhận tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, chị đã bỏ qua để quay về chung sống cùng anh, nhưng khi về chung sống thì tình cảm vợ chồng không cải thiện được, anh C vẫn đánh chị vô cớ nên chị và anh C không thể chung sống cùng nhau được, chị S đề nghị ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng, còn anh C cho rằng vợ chồng anh có xảy ra đánh, cãi, chửi nhau nhưng tình cảm giữa anh và chị S vẫn còn, nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Do các con chung của chị S và anh C đã trên 18 tuổi và có cuộc sống riêng, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị S phải chịu: 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giàng Thị S; tên gọi khác: Giàng Thị T và anh Hoàng Seo C

2. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Giàng Thị S phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003829 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Si Ma Cai (2);
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- UBND xã Q, huyện S;
- Lưu: HS, THS (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Hương